

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

| Stt | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt | Yêu cầu |
|-----|--------------------------------|---|---------------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Tính hợp lệ của hàng hóa | Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ. | Đạt | Nhà thầu cung cấp Bảng liệt kê đặc tính kỹ thuật chi tiết của hàng hóa để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật tại Chương V E-HSMT. Có nêu rõ tên, ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên hãng sản xuất, xuất xứ. Nhà thầu chào nhiều hơn 01 xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất cho một chủng loại hàng hóa được xem là không rõ ràng. |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt | |
| 2 | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có thông số kỹ thuật, kiểu dáng, quy cách, chất lượng hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nêu tại chương V của E-HSMT. | Đạt | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt | |
| 3 | Cam kết về hàng hóa | Nhà thầu cam kết hàng hoá mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở đi, giá chào | Đạt | Nhà thầu có bản cam kết về hàng hóa, thời gian thực hiện đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này. |

thầu đã bao gồm các chi phí may đo theo yêu cầu, đóng gói, vận chuyển, bàn giao

| Stt | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt | Yêu cầu |
|-----|---------------------------------|---|---------------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | <p>tại đơn vị sử dụng, chi phí sửa chữa (nếu có) và hóa đơn thuế giá trị gia tăng theo quy định. Cam kết bố trí phương tiện và các kỹ thuật viên để đảm bảo đo sản phẩm cho 13 đại diện của đơn vị tại các tỉnh thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên.</p> <p>Nhà thầu cam kết Thời gian thực hiện hợp đồng ≤ 30 ngày.</p> | | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt | |
| 4 | Cam kết về dịch vụ sau bán hàng | <p>Nhà thầu có cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa nhà thầu cung cấp đáp ứng toàn bộ các yêu cầu tại E-HSMT, phải vừa với số đo từng người. Trong trường hợp các sản phẩm chưa vừa hay lỗi (về đường kim mũi chỉ, quy cách may, lỗi kỹ thuật vải, hư hại phụ liệu may: đứt cúc, khóa...) sẽ được nhà | Đạt | Nhà thầu có bản cam kết về dịch vụ sau bán hàng đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này. |

| Stt | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt | Yêu cầu |
|-----|------------------------------------|---|---------------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | <p>thầu chỉnh sửa hoặc thay thế cho đến khi đáp ứng yêu cầu. Mọi chi phí sửa chữa do nhà thầu chịu.</p> <p>- Thời gian sửa chữa, khắc phục sai sót hoặc thay thế hàng hóa bị hư hỏng là tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu.</p> | | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt | |
| 5 | Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa | <p>Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà sản xuất hàng hóa phải được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc.</p> | Đạt | Có bản sao chứng thực giấy chứng nhận còn hiệu lực do một tổ chức độc lập cấp hoặc các tài liệu khác kèm theo để chứng minh |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt | |
| 6 | Uy tín của nhà thầu | Nhà thầu chưa từng bị bất kỳ một đơn vị nào cấm đấu thầu trong thời gian từ ngày 01/01/2023 tính đến thời điểm đóng thầu (thông tin được đăng tải | Đạt | Kiểm tra theo thông tin được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Tài |

| Stt | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt | Yêu cầu |
|---|-------------------|---|---------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Tài chính). | | chính |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt | |
| Kết luận: “Đạt” khi đáp ứng tất cả nội dung trên, “Không đạt” khi không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên | | | | |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: không có

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: không

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.